|  |
| --- |
| **THỰC HÀNG CÁC PHÉP TU TỪ: PHÉP ĐIỆP VÀ PHÉP ĐỐI**  I. Phép điệp (điệp ngữ)  \*Phần luyện tập  1. Đọc những ngữ liệu sau để trả lời các câu hỏi: (124,125)  a. Ngữ liệu 1:  - Nếu thay thế “ nụ tầm xuân” bằng:  + “ Hoa tầm xuân”  => “nụ” khác “hoa” , do đó “ nụ tầm xuân” khác “hoa tầm xuân”.  + “ Cây hoa này”  => “nụ tầm xuân” và “hoa cây này” thì hoàn toàn xa lạ.  Do vậy: Hình ảnh thay đổi thì ý nghĩa thay đổi; thanh trắc (nụ) đổi thành thanh bằng (hoa) thì âm thanh, nhịp điệu cũng thay đổi.  - Lặp lại “cá mắc câu”, “chim vào lồng”:  + Việc lặp lại 2 câu sau để nhấn mạnh một thực trạng bất khả kháng.  + Nếu không lặp lại thì chưa rõ ý “ không thể thoát được”  + Cách lặp này không giống cách lặp ở câu trên.  \* Cách lặp “ nụ tầm xuân” nói đến sự phát triển của sự vật, sự việc theo quy luât.  \* Cách lặp này tô đậm tính bi kịch của tình thế “ mắc câu” và “ vào lồng”  b/ Ngữ liệu 2:  - Việc lặp từ không phải là phép điêp tu từ.  - Việc lặp từ tạo nên tính đối xứng và tính nhịp điệu cho câu nói.,cần thiết biểu đạt nội dung từng vế ,nếu không lặp lại thì không thể thay thế bằng từ khác,  2. Bài tập 2:  a/ Lặp từ nhưng không phải điệp ngữ:  - Tôi học chính khoá buổi sáng. Chiều tôi học chủ đề bám sát.  - Cơm không ăn thì con ăn gì?  - Mưa trắng nước, trắng trời.  b/ Lặp có giá trị tu từ (điệp ngữ)  + “ Khi tỉnh rượu ……  Giật mình mình lại thương mình xót xa.  + “ Khi sao phong gấm……  Giờ sao …  Mặt sao …  Thân sao …………. bấy thân”  + “ Vui là vui gượng kẻo là  Ai tri âm đó mặn mà với ai”  \* Định nghĩa về phép điệp:  *Phép điệp là biện pháp tu từđược xây dựng bằng cách lặp lại một yếu tố diễn đạt ( vần, nhịp, từ, cụm từ, câu ) nhằm nhấn mạnh, biểu đạt cảm xúc và ý nghĩa, có khả năng gợi hình tượng nghệ thuật.* |
| II. Luyện tập về phép đối:  \*Phần luyện tập  1/. Đọc những ngữ liệu sau để trả lời các câu hỏi: (125,126)  a/ Ngữ liệu (1)& (2)  - Cách sắp xếp từ ngữ có tính chất đối xứng, hài hoà về âm thanh, nhịp điệu. Sự gắn kết giữa hai vế nhờ sử dụng các từ trái nghĩa hoặc các từ cùng một trường nghĩa.  - Vị trí của các danh từ, động từ, tính từ tạo ra sự cân đối khiến cho người đọc không chỉ thoả mãn về thông tin, mà còn thoả mãn cả về thẩm mỹ.  b/ Ngữ liệu (3) và (4);  - Ngữ liệu (3) sử dụng cách đối bổ sung.  - Ngữ liệu (4) sử dụng cách đối theo kiểu câu đối.  c/ Tìm TD: (H tự làm)   * *“ Khúc sông bên lở, bên bồi,*   *Bên lở thì đục, bên bồi thì trong”*  *- “ Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn*  *Vùi con đỏ dưới hầm tai vạ”*   * *“ Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,*   *Giật mình mình lại thương mình xót xa”*   * *“ Lao xao chợ cá làng ngư phủ,*   *Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương”*  *- “ Tết đến, cả nhà vui như tết,*  *Xuân về, mọi nẻo đẹp như xuân”*  2/. Phân tích các ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi: (126)  a/ Phân tích:  - Câu “ Thuốc đắng …’  Tạo ra sự tương phản trong nhận thức nhờ sự tổ chức ý nghĩa của hai vế không giống với mô hình mà chúng ta quen biết  ( Nếu A thì B): nếu thuốc đắng chữa khỏi bệnh thì …( sự thật sẽ được lòng người); mà ngược lại là “ mất lòng’  - Câu “Bán anh em …”  Tạo ra sự thú vị về nội dung thông báo sau “bán” và “mua”. Thông thường chúng ta bán, mua những hàng hoá cụ thể; nhưng ở đây là chuyện quan hệ và tình nghĩa, do đó cần phải hết sức tỉnh táo.  b/ Trả lời:  - Phép đối trong tục ngữ thường phục vụ cho sự so sánh, đối chiếu để khẳng định những kinh nghiệm, những bài học về cuộc sống xã hội hay hiện tượng thiên nhiên.  - Dùng phép đối thì tục ngữ có điều kiện để nêu những nhận định khái quát trong một khuôn khổ ngắn gọn, cô đọng.  - Phép đối trong tục ngữ thường đi đôi với vần, nhịp và phép điệp từ ngữ và kết cấu ngữ pháp. Vì thế tục ngữ dễ nhớ, dễ thuộc.  3/. Bài tập:  a/ Tìm mỗi kiểu đối một TD:  - Tiên học lễ, hậu học văn. (đối thanh)  - Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng (đối nghĩa)  - Đói cho sạch, rách cho thơm. (đối từ loại)  b/ Thầy tốt, trò tốt,  Lớp ngoan, trò chăm.  \* Định nghĩa về phép đối:  *Phép đối là cách xếp đặt từ ngữ, cụm từ và câu ở vị trí cân xứng nhau để tạo hiệu quả giống nhau hoặc trái ngược nhau nhằm mục đích gợi ra một vẻ đẹp hoàn chỉnh và hài hoà trong diễn đạt nhằm diễn đạt một ý nghĩa nào đó./.*  **CÁC THAO TÁC NGHỊ LUẬN** |

**A. Tìm hiểu chung :**

**I. Khái niệm :**

1. Ví dụ ( SGK ) :

+ Từ thao tác được dùng để chỉ việc thực hiện những động tác theo trình tự và yêu cầu kĩ thuật nhất định.

+ Thao tác nghị luận cũng là một thao tác, do đó, cũng bao gồm những quy định chặt chẽ về động tác, trình tự kĩ thuật và yêu cầu kĩ thuật.

+ Tuy nhiên, trong thao tác nghị luận, các động tác đều là hoạt động của tư duy và được làm để nhằm mục đích cuối cùng là thuyết phục người nghe ( người đọc ) nghe theo ý kiến bàn luận của mình.

2. Khái niệm : Thao tác nghị luận là những động tác được thực hiện theo trình tự và yêu cầu kĩ thuật được quy định trong hoạt động nghị luận.

**II. Một số thao tác nghị luận cụ thể :**

1. Ôn lại các thao tác phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp :

a. Điền đúng trình tự :

- Tổng hợp.

- Phân tích.

- Quy nạp.

- Diễn dịch.

b. Vận dụng thực hành :

( b )

- Thao tác phân tích nhằm chia một nhận định chung thành các mặt riêng biệt để làm sáng rõ các nguyên nhân khiến cho thơ văn được đến thời đại bây giờ.

- Dùng phép phân tích + quy nạp.

( c )

- Dùng thao tác tổng hợp nhằm thâu tóm những ý bộ phận của một kết luận chung.

- Còn bài “Hịch tướng sĩ” Trần Quốc Tuấn dùng thao tác quy nạp, những dẫn chứng khách quan được sử dụng ở đó làm cho kết luận càng có sức thuyết phục.

2. Thao tác so sánh :

a. So sánh để thấy sự giống nhau.

b. So sánh để thấy được sự khác nhau.

Vậy so sánh có hai loại chính.

c. Câu đúng : 1, 3, 4.

**\*Ghi nhớ - SGK./.**